TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/DS-PT
Ngày: 25/7/2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn, ông Nguyễn Hữu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2018/TLPT-DS ngày 10/12/2018 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2019/QĐXX-PT ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Trần Đình Th, sinh năm 1954 - Có mặt.

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1957 – Có mặt.

Đều trú tại: Xóm Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Ông Trần Đình Kh, sinh năm 1963;

Trú tại: Xóm Đình, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1963 *(vợ ông Kh)*;

Trú tại: Xóm Đình, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H trình bày:

Năm 1978, gia đình ông, bà được bố mẹ giao cho thửa đất ở gắn liền với đất lâm nghiệp thuộc xóm Đình, xã M, huyện Y. Quá trình sử dụng vợ chồng đã xây dựng nhà ở và các công trình khác trên thửa đất ở, đã trồng cây tràm và bạch đàn trên thửa đất lâm nghiệp.

Năm 1996, UBND xã M kiểm tra hiện trạng, giao đất lâm nghiệp tại thực địa với diện tích 0,3 ha, kích thước không thể hiện, tứ cận: Phía Tây giáp thửa đất lâm nghiệp số 23 của ông Nguyễn Minh Đ, phía Đông giáp thửa đất đất lâm nghiệp số 25 của ông Trần Đình Kh, phía Nam giáp thửa đất ở của ông, bà, trên nóc là đỉnh đồi. Ranh giới đất lâm nghiệp giữa ông, bà và ông Kh là đường gấp khúc gồm 2 đoạn, 3 điểm, điểm đầu là đỉnh núi, điểm cuối là cây tre giữa bụi tre, điểm giữa cắm cọc tre. Thửa đất được cấp lâm bạ vào năm 1996.

Năm 2005, UBND xã M, cán bộ đo đạc kiểm tra mốc giới, ranh giới nhưng gia đình ông, bà không tham gia, không ký biên bản về ranh giới. Đến năm 2016, UBND xã đưa Biên bản, Bản đồ thực trạng ra ông, bà mới biết.

Ông bà sử dụng ổn định, nộp thuế sử dụng đất theo quy định, không có tranh chấp với hộ liền kề. Đến năm 2015, ông Th phát hiện ông Kh đã dịch chuyển ranh giới, mốc giới ở giữa, trồng cây mới xen vào giữa những cây cũ trên diện tích lấn chiếm. Ông đã làm đơn yêu cầu UBND xã M giải quyết. UBND xã đã mời hai gia đình lên hòa giải nhiều lần, các bên đã thống nhất ranh giới và tiến hành cắm mốc giới nhưng sau đó ông Kh tự ý cắm, không có sự chứng kiến của ông, bà. Ông Th kiểm tra lại thấy cắm không đúng như biên bản làm việc của UBND xã nên ông, bà không chấp nhận.

Theo sổ lâm bạ năm 1996, thửa đất số 24 có diện tích 3.000m^2, năm 2005 xác định ranh giới, mốc giới thửa đất có diện tích 2.750,8m^2. Nên yêu cầu ông Kh trả lại cho ông, bà diện tích đất lấn chiếm là 249,2m^2 và ông, bà thanh toán giá trị tài sản (cây) trên diện tích đó cho ông Kh.

Theo bản tự khai ngày 09/4/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đình Kh trình bày:

Năm 1978, ông Trần Đình Th (bố của ông, đã mất năm 1995) khoanh nuôi đất trống đồi trọc ngay sau nhà ở của ông Trần Đình D (là con ông Th, là anh ruột ông Kh), diện tích bao nhiêu ông không biết.

Đến năm 1986, ông D chuyển về nhà bố, mẹ tại xóm Đình, Mã Thành ở, còn ông chuyển ra nhà ông D ở. Ông D bàn giao toàn bộ đất ở, tài sản trên đất và đất lâm nghiệp liền kề phía sau cho ông. Diện tích bao nhiêu ông không biết.

Năm 1996, UBND xã M kiểm tra hiện trạng, giao đất lâm nghiệp tại thực địa với diện tích 0,5 ha, kích thước không thể hiện, tứ cận: Phía Tây giáp thửa đất lâm nghiệp số 26 của ông Nguyễn Minh Đ, phía Đông giáp thửa đất đất lâm nghiệp số 24 của ông Trần Đình Kh, phía Nam giáp thửa đất ở của ông và Trường tiểu học xã M. Ranh giới đất lâm nghiệp giữa ông và ông Th là đường gấp khúc gồm 2 đoạn, 3 điểm, điểm đầu là đỉnh núi, điểm cuối là cây tre giữa bụi tre, điểm giữa cắm cọc tre. Thửa đất đã được cấp lâm bạ năm 1996.

Năm 2005, UBND xã M, cán bộ đo đạc kiểm tra mốc giới, ranh giới nhưng gia đình ông không tham gia, sau đó mời bà N ra nhà văn hóa xóm ký biên bản về ranh giới. Đến năm 2016, UBND xã đưa biên bản, Bản đồ thực trạng ra ông mới biết.

Gia đình ông sử dụng ổn định, trồng cây tràm, bạch đàn và đóng thuế đầy đủ, còn thời gian, mức thuế thế nào ông không nhớ. Ranh giới, mốc giới đất lâm nghiệp giữa ông và ông Đ cho đến nay không có tranh chấp; còn mốc giới, ranh giới đất lâm nghiệp giữa ông và ông Th, ông đã trồng hàng cây tràm thẳng theo ranh giới. Ranh giới là đường gấp khúc, ông Th đã rạch rãnh nước theo đường ranh giới và ông đã nhặt đá ghép thành hàng thẳng theo rãnh nước để làm mốc giới, ranh giới đất của hai gia đình, nay vẫn còn nguyên.

Năm 1996, ông đã tự nguyện chuyển giao cho trường tiểu học xã M một phần diện tích đất lâm nghiệp nhưng diện tích bao nhiêu thì ông không nhớ.

Năm 2013, được UBND xã cho phép, ông đã đào, khai thác đất lâm nghiệp bán cho Công ty làm đường để làm đường. Đào lấy đất sát với đất lâm nghiệp ông Th đang sử dụng với chiều dài 40m, rộng vài chục mét, sâu 5-10m.

Quá trình trồng cây đã thu hoạch hai lần. Năm 2015, thì gia đình ông Th, bà H gửi đơn kiện ông về việc ông lấn chiếm. Sau đó ban cán sự xóm, UBND xã đã làm việc, Hai bên đã thống nhất và xóm làm biên bản, đến ngày 18/11/2016 thì ông cắm mốc giới như xóm đã giải quyết, nhưng ông Th, bà H lại cho rằng ông lấn chiếm nên ông không cắm nữa mà để nguyên hiện trạng.

Nay ông Th, bà H khởi kiện yêu cầu trả diện tích đất lâm nghiệp lấn chiếm thì ông không chấp nhận vì ông không lấn chiếm. Diện tích đất lâm nghiệp của ông thừa so diện tích được cấp trong lâm bạ là do Cơ quan chức năng chứ ông không biết. Trên đất mà ông Th, bà H cho rằng ông lấn chiếm hiện đang trồng tràm khoảng hơn

một năm. Nếu đúng thực sự ông lấn chiếm đất để trồng tràm thì ông sẽ trả lại đất, đồng thời để lại cả cây tràm cho ông Th

Theo bản tự khai ngày 20/4/2018 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N trình bày: Nhất trí như ý của ông Kh, không bổ sung gì thêm.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2018, ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H và ông Trần Đình Kh, bà Hoàng Thị N xác định diện tích đất tranh chấp là 520m^2.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm 15/2018/DS-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 210, 213, 218, 179, 181 của Bộ luật Dân sự; Điều 203, 166, 170, khoản 1 Điều 179 của Luật đất đai; Điều 29 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 ; Điều 157. 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H.

1. Buộc ông Trần Đình Kh và bà Hoàng Thị N trả 219m^2 đất lâm nghiệp thửa số 25 (nay số 571, tờ bản đồ số 3) tại Động Nòng, xóm Đình, xã M, huyện Y và giao tài sản (cây) tọa lạc trên đất cho ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H do sử dụng không đúng ranh giới, mốc giới được giao.

Ranh giới thửa đất lâm nghiệp số 24 (nay 576) của ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H và thửa đất lâm nghiệp số 25 (nay 571) của ông Trần Đình Kh, bà Hoàng Thị N là đường gấp khúc 2 đoạn thẳng, hướng chạy vào thửa số 24, được tạo bởi 3 điểm, điểm đầu (nằm trên đỉnh động) có tọa độ (X: 2108615; Y: 580677) là gốc cây tràm nằm gần tảng đá lớn; điểm giữa có tọa độ (X:2108474; Y: 580709) điểm cuối có tọa độ (X: 2108560; Y : 580679) là gốc cây tre.

Thửa đất lâm nghiệp số 24 (nay số 576, tờ bản đồ số 3) tại Động Nòng, xóm Đình, xã M, huyện Y của ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H có hình đa giác, có tứ cận: phía bắc giáp đất của ông Đ, dài 6,71m; phía tây giáp đất của ông Đ, dài 151m (gồm 5 đoạn: 68,12m; 26,02m; 34,93m; 9,85m; 13,02m); phía nam giáp đất của ông Th, dài 29,56m; phía đông giáp đất của ông Kh, dài 146,62 m (gồm 2 đoạn: đoạn 1 là 54,69 m; đoạn 2 là 91,93 m)

Ông Trần Đình Th, ông Trần Đình Kh có trách nhiệm thực hiện kê khai đăng ký đất đai tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Buộc ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H trả cho ông Trần Đình Kh và bà Hoàng Thị N 814.000 đồng (tám trăm, mười bốn nghìn đồng), tiền giá trị cây trồng trên diện tích đất lâm nghiệp 219m^2.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá:

Ông Trần Đình Kh phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.262.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 2.500.000 đồng. Tổng 5.762.000 đồng.

Buộc ông Trần Đình Kh phải hoàn trả cho ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H 5.762.000 đồng số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Ngoài ra bản án còn tuyên án án phí, lãi suất chậm trả, trách nhiệm thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/9/2018, ông Kh kháng cáo với nội dung: Ông không đồng ý với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xác định lại ranh giới thửa đất của ông và ông Th.

Ngày 17/9/2018, ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xác minh lại nguyên nhân khách quan tăng đất thổ cư của gia đình ông bà; tiến hành xem xét thẩm định trực tiếp tại chỗ đất thổ cư gia đình ông bà và gia đình ông Trần Đình Kh để buộc ông Trần Đình Kh trả đủ 520m^2 đất lâm nghiệp cho gia đình ông bà. Yêu cầu giải quyết rõ phần diện tích đất lâm nghiệp gia đình ông Kh thừa 1.405m^2 sau khi đã trả đủ cho gia đình ông bà 520m^2. Đền bù cho gia đình ông bà giá trị sản xuất trên đất ông Kh đã chiếm dụng của gia đình ông bà từ năm 2008 đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H, bị đơn ông Trần Đình Kh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N đã thống nhất thỏa thuận như sau: Ông Trần Đình Kh và bà Hoàng Thị N giao lại cho ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H 520m^2 theo theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An. Ranh giới giữa thửa đất lâm nghiệp số 24 của ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H với thửa đất lâm nghiệp số 25 của ông Trần Đình Kh, bà Hoàng Thị N là đường gấp khúc gồm 2 đoạn, hướng chạy vào thửa đất lâm nghiệp số 24; điểm đầu là hòn đá to nằm trên đỉnh động, điểm cuối là giữa bụi cây tre, điểm giữa nằm trên phần đất ông Kh, bà N đang sử dụng đo đủ 520m^2 giao cho ông Th, bà H. Về tài sản trên đất, chi phí xem xét thẩm định, định giá và án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thửa đất lâm nghiệp số 24 và 25 được xác định giao cho hộ gia đình sử dụng, quá trình giải quyết cấp sơ thẩm chỉ đưa vợ chồng ông Th và vợ chồng ông Kh mà không đưa các thành viên trong hộ vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Cấp phúc thẩm đã tiến hành điều tra các thành viên trong hai hộ trên. Các thành viên trong hộ gia đình ông Th, bà H và ông Kh, bà N đã có văn bản thống nhất giao cho các ông, bà toàn quyền quyết định đối với hai thửa đất nêu trên. Vì vậy, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Tại giai đoạn giải quyết phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau là xác định lại ranh giới giữa thửa đất lâm nghiệp số 24, 25 của hai gia đình ông Th và ông Kh thuộc khu vực Động Mòng, xóm Đ, xã M như sau: "*Điểm đầu là hòn đá to trên đỉnh hiện tại hai gia đình đang sử dụng ổn định, điểm cuối là giữa bụi tre hiện tại hai gia đình đang sử dụng ổn định, lấy một điểm giữa trên phần đất của gia đình ông Kh đo đủ 520m^2 giao cho gia đình ông Th. Về cây trên đất, án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật*". Sau khi có sự thỏa thuận, Tòa án tiến hành xem xét và xác định trên thực địa như sau: Ông Trần Đình Kh và bà Hoàng Thị N giao cho ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H 520m^2 đất lâm nghiệp thửa số 25 (nay là thửa 571), có tứ cận phía Bắc là đỉnh đồi, phía Tây giáp thửa đất lâm nghiệp của ông Th, bà H dài 147,35m (gồm 6 đoạn: 29,07m; 28,16m; 28,79m; 12,65m; 33,24m; 15,44m); phía Đông giáp thửa đất lâm nghiệp của ông Kh, bà N dài 145,61m (gồm 2 đoạn: 55,61m; 90m); phía Nam là điểm giữa của bụi tre. Ranh giới giữa thửa đất lâm nghiệp số 24 (nay là thửa 576) của ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H với thửa đất lâm nghiệp số 25 (nay là thửa số 571) của ông Trần Đình Kh, bà Hoàng Thị N là đường gấp khúc gồm 2 đoạn, hướng chạy vào thửa đất lâm nghiệp số 24, được tạo bởi 3 điểm: Điểm đầu nằm trên đỉnh động là tảng đá lớn có tọa độ (A= X: 2108615; Y: 580677); điểm giữa có tọa độ (C= X: 2108559,77; Y: 580683,48), điểm cuối là giữa bụi tre có tọa độ (D=X: 2108473,74; Y: 580709,91). Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DSST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về tài sản trên diện tích đất tranh chấp: Trên phần diện tích đất tranh chấp 520m^2, ông Trần Đình Kh và bà Hoàng Thị N đã trồng keo và tràm. Hiện nay các cây keo và tràm chưa đến lúc thu hoạch nên để đảm bảo giá trị số cây đã trồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao toàn bộ số cây keo và tràm trên phần đất tranh chấp cho ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H được quyền sở hữu. Buộc ông Th, bà H phải thanh toán cho ông Kh, bà N giá trị cây keo và tràm trên phần đất tranh chấp theo kết luận định giá tài sản ngày 14/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản là 1.804.000 đồng.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: Do các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên các bên đương sự mỗi bên phải chịu một nửa chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Cụ thể chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.262.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 2.500.000 đồng. Tổng cộng 5.762.000 đồng, mỗi bên phải chịu 2.881.000 đồng (5.762.000đ : 2 = 2.881.000 đ). Ông Th, bà H đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá là 5.762.000 đồng. Vì vậy, ông Trần Đình Kh phải hoàn trả cho ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 2.881.000 đồng.

[5] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông Th, bà H, ông Kh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và ông Th, ông Kh mỗi bên phải chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên căn cứ Nghị quyết 326-NQ/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội miễn án phí dân sự phúc thẩm và dân sự sơ thẩm cho ông Th, bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ vào Điều 175, 176, 217, 218 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170, 179 203 của Luật đất đai; Điều 147, 148, 157,165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Ông Trần Đình Kh và bà Hoàng Thị N giao cho ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H 520m^2 đất lâm nghiệp thửa số 25 (nay là thửa số 571, tờ bản đồ số 03) tại Động Mòng, xóm Đ, xã M, huyện Y, diện tích đất được giới hạn bởi các điểm

ABDC trên sơ đồ (Tứ cận, độ dài cụ thể các cạch như sơ đồ kèm theo bản án). Ranh giới giữa thửa đất lâm nghiệp số 24 (nay là thửa 576, tờ bản đồ số 03) với thửa đất lâm nghiệp số 25 (nay là thửa số 571, tờ bản đồ số 03) sau khi ông Trần Đình Kh, bà Hoàng Thị N giao cho ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H 520m^2 được xác định bởi các điểm ACD trên sơ đồ (Độ dài các đoạn, tọa độ các điểm ACD như sơ đồ kèm theo bản án).

Vợ chồng ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H và vợ chồng ông Trần Đình Kh, bà Hoàng Thị N có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H được quyền sở hữu toàn bộ tài sản là cây keo và tràm trên phần diện tích 520m^2 đất ông Kh, bà N giao.

3. Ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H phải thanh toán cho ông Trần Đình Kh và bà Hoàng Thị N giá trị cây keo và tràm trên diện tích đất nêu trên là 1.804.000 đồng (*Một triệu, tám trăm linh bốn ngàn đồng*).

4. Ông Trần Đình Kh và bà Hoàng Thị N phải hoàn trả cho ông Trần Đình Th và bà Lê Thị H số tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 2.881.000 đồng (Hai triệu, tám trăm, tám mươi mốt ngàn đồng).

5. Về án phí:

5.1. Hoàn trả cho ông Trần Đình Th, bà Lê Thị H 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0003357 ngày 22/3/2018 và biên lai số 0003088, 0003089 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

5.2. Ông Trần Đình Kh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Kh đã nộp theo biên lai số 0003085 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Ông Kh còn phải nộp tiếp 150.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS huyện Y, tỉnh NA;
- TAND huyện Y, tỉnh NA;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Từ